

UNIT 3. WILD LIFE**Puzzles and games – Unit 3 – Tiếng Anh 6 – Friends Plus**

1. ANIMAL ART. Work in groups of three. Take turns drawing and guessing animals from unit 3. One student draws an animal for the other two students. The first student to guess the correct animal wins a point. The winner is the student with the most points.

(VẼ ĐỘNG VẬT. Làm việc trong nhóm ba người. Lần lượt vẽ và đoán các con vật từ bài 3. Một học sinh vẽ một con vật cho hai học sinh còn lại. Học sinh đầu tiên đoán đúng con vật sẽ giành được một điểm. Người chiến thắng là học sinh có nhiều điểm nhất.)

2. ADJECTIVE RACE. Work in teams. The teacher says an adjective from page 40. How many things can you write for each adjective in thirty seconds? You get one point for each thing. The team with the most points wins.

(Cuộc đua tính từ. Làm việc theo nhóm. Giáo viên nói một tính từ trang 40. Bạn có thể viết bao nhiêu thứ cho mỗi tính từ trong ba mươi giây? Mỗi thứ nhận được 1 điểm. Đội có nhiều điểm nhất thắng.)

colourful - butterfly, fish, bag, notebook

(đầy màu sắc: bướm, cá, túi sách, vở ghi chép)

Hướng dẫn giải:

- rare: animals, plants, collections.

(quý hiếm: động vật, thực vật, bộ sưu tập)

- common: singers, places, actors, films, songs

(phổ biến: ca sĩ, địa điểm, nam diễn viên, phim, bài hát)

3. STAND IN ORDER. Work in groups. Each student chooses an animal from page 38. Write your animal on a piece of paper. Look at the adjectives in the box. One person says a superlative, for example, 'the fastest!'. Stand in order, with the fastest animal on the left. Then repeat the activity with a different adjective.

(ĐỨNG THEO THỨ TỰ. Làm việc nhóm. Mỗi học sinh chọn một con vật từ trang 38. Viết con vật của bạn trên một mảnh giấy. Nhìn vào các tính từ trong khung. Một người nói câu so sánh nhất, chẳng hạn, 'nhanh nhất!'. Đứng theo thứ tự, với con vật nhanh nhất ở bên trái. Sau đó lặp lại hoạt động với một tính từ khác.)

big	fast	dangerous	heavy
intelligent	rare	pretty	ugly

The fastest!: CAT, OSTRICH, BEARS, FISH

(Nhanh nhất: mèo, đà điểu, gấu, cá)



Hướng dẫn giải:

- The biggest: elephant, tiger, gorilla, giraffe.

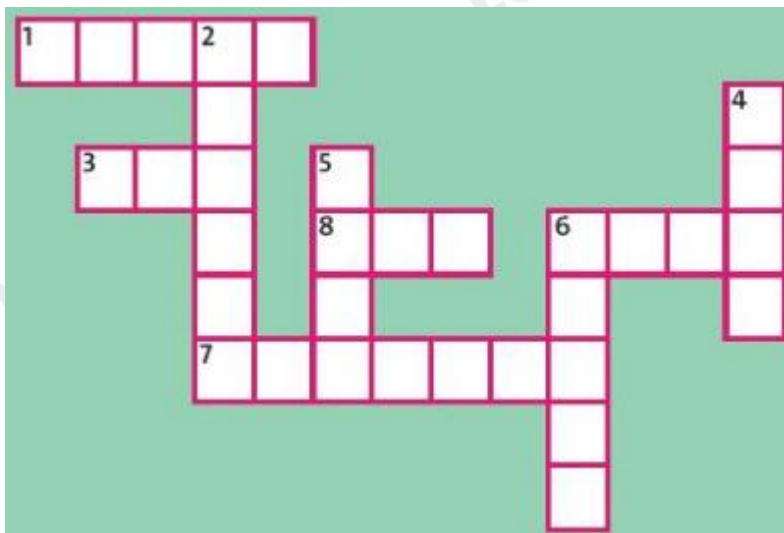
(To nhất: voi, hổ, đười ươi, hươu cao cổ)

- The ugliest: crocodile, spider, gorilla, octopus

(Xấu xí nhất: cá sấu, nhện, đười ươi, bạch tuộc)

4. Read the clues and complete the crossword.

(Đọc các gợi ý và hoàn thành ô chữ.)



Across:

- 1. Gorillas don't oftentrees.
- 3. Ostriches can't fly but, they can fast.
- 6. My dog loves water - it can very well.

7. We can't..... for a long time if we don't drink water.

8. Golden eagles.....rabbits and other small animals.

Down:

2. American black bears sleep for a long time in the coldest..... of the year.

4. Elephants usually have their feet on the ground - they can't... ..

5. Cats have good ears - they can..... better than humans.

6. It is easier to survive in a foreign country if youthe language.

Hướng dẫn giải:

Across (Ngang)	1. climb (leo trèo)	3. run (chạy)	6. swim (bơi)	7. survive (sống sót)	8. eat (ăn)
Down (Dọc)	2. months (tháng)	4. jump (nhảy)	5. hear (nghe)	6. speak (nói)	

Across:

1. Gorillas don't often **climb** trees.

(Khi đột không thường xuyên trèo cây.)

3. Ostriches can't fly but, they can **run** fast.

(Đà điểu không thể bay nhưng, chúng có thể chạy nhanh.)

6. My dog loves water - it can **swim** very well.

(Con chó của tôi rất thích nước - nó có thể bơi rất giỏi.)

7. We can't **survive** for a long time if we don't drink water.

(Chúng ta không thể tồn tại lâu dài nếu không uống nước.)

8. Golden eagles **eat** rabbits and other small animals.

(Đại bàng vàng ăn thịt thỏ và các động vật nhỏ khác.)

Down:

2. American black bears sleep for a long time in the coldest **months** of the year.

(Gấu đen Mỹ ngủ rất lâu trong những tháng lạnh nhất trong năm.)

4. Elephants usually have their feet on the ground - they can't **jump**.

(Chân của voi thường trên mặt đất - chúng không thể nhảy.)

5. Cats have good ears - they can **hear** better than humans.

(Mèo có đôi tai tốt - chúng có thể nghe tốt hơn con người.)

6. It is easier to survive in a foreign country if you **speak** the language.

(Sống ở nước ngoài sẽ dễ dàng hơn nếu bạn nói được ngôn ngữ này.)

5. WHAT AM I? Work in pairs. Put the words in order to make sentences. Can you guess the animals?

(Tôi là ai? Làm việc theo cặp. Đặt các từ theo thứ tự để tạo thành câu. Em có thể đoán các động vật này không?)

<p>1</p> <p>1. legs / eight/ got / I've. 2. quite / big / I'm. 3. I/ swim / can. What am I?</p>	<p>2</p> <p>1. a/from / I'm/bird / Africa / large 2. run/can/ I /fast. 3. can't/fly/I. What am I?</p>	<p>3</p> <p>1. dangerous / a /very / I'm/animal. 2. got/big/ I've / mouth/ very/a. 3. green/ and / long / I'm. What am I?</p>
--	--	--

Hướng dẫn giải:

1.

1. I've got eight legs. (Tôi có 8 chân.)

I'm quite big. (Tôi khá to.)

I can swim. (Tôi có thể bơi.)

=> Octopus. (Bạch tuộc.)

2.

1. I'm a large bird from Africa. (Tôi là một loại chim lớn đến từ châu Phi.)

I can run fast. (Tôi có thể chạy nhanh.)

I can't fly. (Tôi không thể bay.)

=> Ostrich. (Đà điểu.)

3.

1. I'm a very dangerous animal. (Tôi là một động vật nguy hiểm.)

2. I've got a very big mouth. (Tôi có cái miệng rất to.)

3. I'm long and green. (Tôi dài và có màu xanh lá.)

=> Crocodile. (Cá sấu.)

6. ASK ME A QUESTION! Work in pairs. Follow the instructions.

(Hãy hỏi tôi một câu hỏi! Làm việc theo cặp. Làm theo các hướng dẫn.)

- One of you is Student A and the other is Student B.

- Toss a coin. If the coin lands on 'heads', Student A asks a question. If the coin lands on 'tails', Student B asks a question. Use the words in the box for the questions. The first student to ask five questions is the winner.

How far ...?	How tall... ?
How fast ...?	How many ... ?

Tạm dịch:

- Một trong hai bạn là Học sinh A và bạn còn lại là Học sinh B.
- Tung đồng xu. Nếu đồng xu rơi vào 'đầu', Học sinh A đặt một câu hỏi. Nếu đồng xu rơi vào 'đuôi', Học sinh B đặt một câu hỏi. Sử dụng các từ trong khung cho các câu hỏi. Học sinh đầu tiên đặt năm câu hỏi là người chiến thắng.

Hướng dẫn giải:

- How far can a kangaroo jump?

(Một con chuột túi có thể nhảy bao xa?)

- How tall is an adult giraffe?

(Một con hươu cao cổ trưởng thành cao bao nhiêu?)

- How fast can a leopard run?

(Một con báo có thể chạy nhanh như thế nào?)

- How many animals are there in unit 3?

(Trong đơn vị bài học 3 có bao nhiêu động vật?)

- How many words can you remember in this unit?

(Trong bài này em có thể nhớ bao nhiêu từ?)